**TUẦN 13**

**Thứ hai, ngày 02 tháng 12 năm 2024**

Tiết 1: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TIỂU PHẨM ỨNG XỬ VĂN HÓA NƠI**

**CÔNG CỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực.**

- Học sinh bước đầu biết cách thực hiện ứng xử văn hóa nơi công cộng.

- Học sinh hiểu được ý nghĩa của việc ứng xử văn hóa nơi công cộng.

**2. Phẩm chất.**

- Có ý thức ứng xử văn hóa nơi công cộng

**II. ĐỒ DÙNG, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

1. Nhà trường:

- Thiết kế sân khấu buổi lễ chào cờ.

- Tổ chức buổi lễ theo nghi thức quy định.

2. Học sinh:

- Trang phục chỉnh tề, ghế ngồi dự buổi lễ chào cờ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Sinh hoạt dưới cờ***:**Tiểu phẩm ứng xử văn hóa nơi công cộng*  **C:\Users\LENOVO\Pictures\Screenshots\Screenshot (1111).png**  - Tổ chức cho một nhóm học sinh trình diễn tiểu phẩm đã chuẩn bị theo chủ đề: Ứng xử văn hóa nơi công cộng:  Tại sân chơi thiếu nhi của khu phố, một nhóm các em nhỏ đang chơi rất vui. Có em chơi cầu trượt, có em chơi tung bóng, có mấy em chơi trốn tìm. Cùng lúc đó, nhóm bạn Hùng, Thảo, Kiên đang đi bộ từ trường về nhà. Nhóm bạn đang đi qua sân chơi thiếu nhi, bỗng có một quả bóng từ xa bay thẳng về phí Kiên, Kiên nhanh nhẹn tránh được. Sau đó, một em nhỏ vì chạy theo quả bóng mà bị trượt ngã xuống sân, em vừa sợ, vừa đau nên khóc rất to. Thấy em nhỏ bị ngã, các bạn vội chạy lại đỡ em nhỏ lên và hỏi xem em có sao không. Kiên nhặt quả bóng đưa lại cho em còn hai bạn dỗ cho em nhỏ nín khóc.  - Sau khi xem xong tiểu phẩm, Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ ý kiến của mình về hành động, việc làm của các bạn trong tiểu phẩm và rút ra bài học.  - Nêu câu hỏi:  +Trong lễ chào cờ, em thích tiết mục văn nghệ nào nhất?  + Em có cảm xúc gì trong buổi lễ chào cờ hôm nay?  + Việc ứng xử văn hóa nơi công cộng em rút ra bài học gì cho bản thân?  - GV nêu kế hoạch cụ thể để học sinh bắt đầu tham gia thực hiện.  - Kết thúc, dặn dò. | - Hưởng ứng tham gia.  - Theo dõi tiểu phẩm  - Trả lời theo suy nghĩ của mình. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

Tiết 2,4: TIẾNG VIỆT

**CHỦ ĐIỂM: HỌ HÀNG, LÀNG XÓM**

**Bài đọc 3: MẢNH SÂN CHUNG (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ các âm, vần, thanh mà địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 80 -85 tiếng/ phút.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Trong cuộc sống, em nên có tinh thần tương thân tương ái với hàng xóm, láng giềng, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh mình.

**2. Năng lực văn học**

Biết bày tỏ sự yêu thích với những chi tiết hay và có ý nghĩa trong câu chuyện.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Tình cảm đoàn kết, tương thân, tương ái với làng xóm, láng giềng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Tổ chức trò chơi: “Đố bạn”  - Hình thức chơi: GV trình chiếu bức tranh minh hoạ trong SGK, 1 HS sẽ điều khiển trò chơi, Đố các bạn dưới lớp:  *+ Trong bức tranh gồm máy bạn nhỏ ?*  *+ Hai bạn nhỏ trong tranh đang làm gì ?*  *+ Bạn nhận xét gì về việc làm của hai bạn nhỏ ?*   * Dẫn dắt vào bài mới. | - Tham gia chơi trò chơi  - Trả lời  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá***.*  **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - Đọc mẫu:  - GV chia đoạn: 5 đoạn  ( Mỗi đoạn là chấm xuống dòng)  - HD đọc từ khó, câu dài  - Tổ chức cho HS đọc nhóm 4  - Nhận xét các nhóm.  - 1 HS khá giỏi đọc toàn bài.  - Giải nghĩa từ khó: sạch bong, hối hả, tờ mờ, rả rích, bất giác, sạch như lau như li.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - Gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong SGK.  *-*Giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép. GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Qua đoạn 1, em hiểu vì sao cái sân chung như được chia thành hai nửa ?  + Trong mỗi đoạn tiếp theo, Thuận và Liên đã làm điều gì đáng khen?  + Câu mở đầu mỗi đoạn trong câu chuyện trên có tác dụng gì?  + Ý nghĩa (chủ đề) của câu chuyện này là gì?    - Mời HS trình bày, báo cáo kết quả  - Nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc câu hỏi 5*?*  - Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân vào vở.  - Yêu cầu HS đọc trước lớp  - Nhận xét, chốt lại  + Em có suy nghĩ gì về câu chuyện Mảnh sân chung? | - Lắng nghe.  - Đọc nối tiếp theo đoạn  - Luyện đọc từ khó, câu dài  - Đọc nhóm 4  - Nhận xét các nhóm.  - Lắng nghe cách đọc.   * Đọc 2-3 lượt * Thảo luận nhóm 4 theo các câu hỏi tìm hiểu bài.   - Đọc theo yêu cầu.  + Bởi vì mỗi nhà có thói quen quét dọn khác nhau: Phần sân bên nhà Thuận được quét dọn sạch sẽ từ sáng sớm, còn bên nhà Liên chiều tối mới được quét.  + Thuận và Liên đã thay nhau quét mảnh sân chung, chứ không chỉ quét riêng phần sân nhà mình.  + Câu mở đầu mỗi đoạn có tác dụng nêu nội dung chính của đoạn đó, cụ thể là cho biết thời gian diễn ra sự việc.  + Câu chuyện đề cao tinh thần tương thân, tương ái với hàng xóm, láng giềng, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh.  - Đại diện nhóm trình bày  - Lắng nghe.  - 1 HS đọc yêu cầu.  - Viết vào vở.  - Đọc cho bạn nghe nhật kí của mình.  -2-3 HS đọc  + Chúng ta nên có tinh thần đoàn kết với hàng xóm, láng giềng, luôn chia sẻ, giúp đỡ hàng xóm, láng giềng trong cuộc sống hằng ngày. |
| **3. Luyện tập**  Hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 1,2 với giọng đọc phù hợp thể hiện được tình cảm, cảm xúc. Chú ý nhấn giọng các từ ngữ: **nét vạch, mỗi sáng, phân chia, quet sạch, sáng sớm, lá rụng đầy, chiều tối.**  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - Nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS | - Luyện đọc theo nhóm  - Thi đọc diễn cảm. |
| **4. Vận dụng.**  **-** Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  *+ Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?*  GDHS: - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, giúp đỡ hàng xóm láng giềng.  - Nhận xét, tuyên dương | - Tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Trình bày suy nghĩ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe, chia sẻ  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Buổi chiều:***

Tiết 2: TIẾNG VIỆT

**Bài viết 3: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG**

(Thực hành viết )

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

Biết trao đổi các ý trước khi viết đoạn văn tưởng tượng

**2. Năng lực văn học**

- Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của bài tập. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ phá; sử dụng dấu câu thích hợp.

- Biết tưởng tượng và viết các câu văn giàu hình ảnh, thể hiện trí tưởng tượng phong phú.

**3. Phẩm chất**

Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, cẩn thận: Viết và hoàn thiện đoạn văn, góp ý cho bài viết của bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Tổ chức trò chơi: “Ô cửa bí mật”  - Hình thức chơi: GV trình chiếu bức tranh về các em bé trong câu chuyện Ở vương quốc tương lai ?  *+ Hình 1- GV hỏi HS các bạn nhỏ đang ở đâu ?*  *+ Hình 2- GV hỏi HS các bạn nhỏ đang ở đâu ?*  - Dẫn dắt vào bài mới. | - Tham gia chơi trò chơi  + Các bạn nhỏ đang ở công xưởng xanh.  + Các bạn nhỏ đang ở khu vườn kì diệu.  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá***.*  **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu đề**  - Mời 1 HS đọc to 2 đề trong SGK.  - Đưa đề bài lên bảng, cùng HS phân tích đề.  + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì ?  .  - Giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân: xem lại kết quả tìm ý và sắp xếp ý trong tiết trước, có thể bổ sung một số ý nhỏ hoặc thay đổi cách sắp xếp ý cho phù hợp. | - 2 HS đọc đề.  + Đề 1: Yêu cầu chúng ta dựa vào kịch bản “Ở vương quốc Tương Lai”, hãy viết đoạn văn đó theo tưởng tượng của em.  + Đề 2: Yêu cầu chúng ta dựa vào kịch bản “Ở vương quốc Tương Lai”, hãy viết đoạn văn về một em bé trong vở kịch đó theo tưởng tượng của em.   * Lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập**  - Tổ chức cho HS làm việc cá nhân  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  .  - Nhận xét HS đọc bài, sửa lỗi.  - Tuyên dương, khích lệ HS | * Làm việc cá nhân * Đọc đoạn văn cho bạn nghe.   Lắng nghe |
| **4. Vận dụng.**  **-** Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  *+ Qua bài đọc, em rút ra được điều gì ?*  🡪GDHS: trong cuộc sống cần phải có ước mơ  - Nhận xét, tuyên dương | - Tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Nêu ước mơ của mình cho bạn nghe  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: CŨNG CỐ KIẾN THỨC

**LUYỆN TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực ngôn ngữ:**

- Xác định được động từ trong một đoạn văn, thơ.

- Viết được đoạn văn về ước mơ của em

**2. Năng lực văn học.**

- Nêu được cảm xúc khi viết đoạn văn về ước mơ của em; chỉ ra được các động từ trong đoạn văn đã viết.

**3. Phẩm chất**.

- Chăm chỉ học tập, yêu thích môn học.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động**  Tổ chức trò chơi “Đoán ý đồng đội”  Luật chơi: 1 HS sử dụng ngôn ngữ cơ thể để diễn tả một hành động hoặc trạng thái. HS dưới lớp đoán hành động.  - Nhận xét trò chơi, giới thiệu bài  **2. Luyện tập**  Bài 1. Cho HS đọc yêu cầu:  Tìm động từ trong các câu tục ngữ dưới đây:  a. Yêu trẻ, trẻ đến nhà.  b. Thương người như thể thương thân.  c. Uống nước nhớ nguồn.  d. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.  Cho HS làm bài cá nhân  Tổ chức chữa bài.  Bài 2. Cho HS đọc yêu cầu  Gạch chân dưới động từ trong đoạn văn sau:  Gió nồm vừa thổi, dượng Hương nhổ sào. Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.  - Cho HS làm bài rồi chữa bài.  **3. Vận dụng:**  Bài 3. Viết một đoạn văn ngắn kể về một ước mơ của em. Chỉ ra các động từ có trong đoạn văn.  - Nhận xét, sửa chữa  Nhận xét, dặn dò. | - HS chơi trò chơi .  - HS đọc yêu cầu  - HS Làm bài vào vở LTV  - Chia sẻ trước lớp  - Nhận xét bài bạn, bổ sung (nếu có)  - HS đọc yêu cầu. Làm bài và tham gia chữa bài.  -HS làm bài cá nhân vào vở  - chữa bài  - HS đọc yêu cầu. Làm bài  - Một số em đọc đoạn văn, nêu động từ trước lớp. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ ba, ngày 03 tháng 12 năm 2024**

Tiết 1: TOÁN

**Bài 37: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách và có kỹ năng nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

- Rèn kĩ năng nhân với số có hai chữ số.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến số đo dung tích

**2. Năng lực.**

- Năng lực tư duy lập luận toán học: Biết cách nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

- Năng lực giao tiếp toán học: Trao đổi, chia sẻ về cách nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Đề xuất được các tình huống sử dụng nhân nhẩm với 11 trong thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép nhân với 10, 100, 1000, ... và việc nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Cho HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách”.  - Cách chơi: GV nêu mỗi tình huống thực tế (đã chuẩn bị trước) liên quan đến phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000, … (VD: Một chuồng có 112 con gà. Vậy 10 chuồng có…con gà.)  - Nhận xét trò chơi.  \* Giới thiệu bài: Các em đã học nhân nhẩm với 10, 100, 1000, … Để các con nắm vững cách nhân nhẩm đã học và tìm hiểu cách nhân nhẩm với 11 như thế nào, chúng ta cùng vào tiết học Luyện tập chung | - Mời 1HS lên điều khiển chơi, dưới lớp tham gia chơi theo nhóm. Đại diện học sinh trong nhóm trả lời.  - Tham gia chơi.  - Nhóm nào trả lời đúng nhiều hơn là nhóm thắng cuộc  - Lắng nghe. |
| **2. Thực hành, luyện tập**  **Bài 3: Tính nhẩm**  - Gọi HS đọc bài 3.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát cách làm của mẫu 27 x 11 và 48 x 11  - GV gọi đại diện các nhóm nêu cách nhẩm  - Cách nhân nhẩm 27 với 11:  + Bước 1:2 + 7 = 9  + Viết 9 giữa 2 chữ số của số 27 được 297.  - Vậy 27 x 11 = ?  - Yêu cầu HS nhân nhẩm 48 với 11.  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - Yêu cầu HS phát hiện tổng hai chữ số ở số 27 và tổng hai chữ số của số 48 có gì khác nhau?  - Yêu cầu HS nêu cách nhẩm của từng trường hợp.  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV yêu cầu HS nhẩm  - GV đưa kết quả đúng, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra.  - GVKL: Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?  - GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 4**  -Yêu cầu HS đọc Bài 4.  + Trước đây bạn Nguyên mở vòi nước bao lâu?  + Hiện nay bạn mở vòi trong bao lâu?  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân-N4- 1hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp  \*Chốt: Bài tập 4 giúp em biết thêm điều gì?  + Chúng ta cần phải làm gì để tiết kiệm nước?  - Nhận xét tiết học  **3. Vận dụng**  **-** Cho HS nêu một số tình huống trong thực tế có vận dụng nhân nhẩm với 11  - Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho các em trong cuộc sống hằng ngày? | - 2HS đọc  - Thảo luận nhóm đôi, chia sẻ cách làm  - 1HS chia sẻ mẫu 1  - 1HS chia sẻ mẫu 2  - 4HS nêu  - HS nêu: Tổng hai chữ số của số 27 bằng 9. Tổng hai chữ số của 48 bằng 12, lớn hơn 9.  - HS nêu  - Làm bài  - HS lần lượt nhẩm  - HSTL: Cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.  2 HS đọc bài  - 20 giây  - 13 giây  - N4 trao đổi cách làm, giải thích vì sao.  - 1Hs chia sẻ trước lớp:  - Tắt vòi nước khi không sử dụng  - Phải chấp hành đúng nội dung các biển báo.  - nêu  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 3: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

**BÀI 5: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (Tiết 3)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

**- NL nhận thức khoa học lịch sử và địa lý:**

**+**Trình bày được đặc điểm dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

**+** Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thuỷ điện, khai thác khoáng sản…)

**- Năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí:**

+Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.

+ Trình bày được được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thuỷ điện, khai thác khoáng sản…)

**- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học:**

+ Tìm hiểu thông tin về dân tộc của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ .

+ Vẽ một bức tranh sinh động về ruộng bậc thang

**2. Phẩm chất:**

Yêu nước: Tự hào về địa danh, thắng cảnh, công trình của vùng

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Một số tranh ảnh về nhà ở, trang phục, hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Trung du.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  **Trò chơi đố bạn**  • Thiên nhiên đã mang đến cho vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ những thế mạnh nổi bật nào?  Vùng đã khai thác các thế mạnh đó ra sao? Những ngành kinh tế nào là tiêu biểu?  - GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học hôm nay  **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1:**  - Cho HS tóm tắt lại các cách thức bao gồm các nội dung: tên cách thức, nguyên nhân, ý nghĩa của việc khai thác, định hướng khai thác.  Gợi ý HS có thể thiết kế sơ đồ. Thời gian thực hiện 10 phút.  Bước 1: HS làm việc nhóm, GV quan sát và hỗ trợ.  Bước 2: HS thuyết trình trước lớp.  GV yêu cầu HS dán sản phẩm trên bảng nếu lớp không đủ không gian hoặc trên các vị trí khác nhau trong lớp để HS di chuyển và bình chọn cho sản phẩm tốt nhất theo tiêu chí nội dung thẩm mỹ (3 điểm); sáng tạo (7 điểm)  Bước 3. GV chốt lại kiến thức, giới thiệu thêm thông tin mở rộng hoặc có thể đề nghị HS chia sẻ thêm hiểu biết về các hoạt động tương tự ở địa phương, tìm ra các hoạt động tương đồng hoặc khác biệt trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ điện và khai thác khoáng sản. Gv tích hợp thêm vấn đề phát triển bền vững và bảo vệ môi trường thông qua các định hướng khai thác cập nhật.  **Hoạt động** **2**:  **-** ChoHS làm bài cá nhân  – GV nhận xét  1. Tại sao vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thuỷ điện lớn?  2. Em hãy chọn nối thông tin ở cột A cho phù hợp với một thông tin ở cột B và ghi kết quả vào vở.  Nhận xét –chốt kiến thức  **3. Vận dụng**  Bước 1: GV yêu cầu đọc 2 câu hỏi vận dụng theo SGK  Bước 2. GV gợi ý HS tìm hiểu cả 2 nội dung hoặc tự chọn.  - Giới thiệu về dân tộc nội dung có thể đề cập đến gồm tên dân tộc, số dân, nơi cư trú, phong tục, nhà ở, trang phục,...  – Vẽ tranh: trên tờ giấy khó 14 hoặc A3 hoặc chất liệu tùy chọn khác  GV nêu rõ thời hạn nộp sản phẩm và các tiêu chí đánh giá có liên quan-  GV nhận xét –liên hệ GD  Cho HS nhắc lại: Qua bài học em có được những hiểu biết gì?  Dặn HS chuẩn bị bài tiết sau | Tham gia trò chơi lắng nghe và trả lời            Làm việc theo nhóm  Nhắc lại :  + Các cách thức khai thác tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là : Làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, Khai thác khoáng sản  + Tóm tắt các cách thức bao gồm các nội dung: -Làm ruộng bậc thang  -Nguyên nhân: Đất dốc –Ý nghĩa : Chinh phục thiên nhiên để làm ra lúa gạo  Xây dựng các công trình thủy điện –Nguyên nhân: Nhu cầu về năng lượng điện và ở đây có nhiều con sông lớn –Ý nghĩa: Cung cấp điện cho sinh hoạt của con người  Khai tác khoáng sản –Nguyên nhân: Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn khoáng sản phong phú nhất nước –Ý nghĩa: Khoáng sản được sử dụng trong công nghiệp, đời sống và xuất khẩu.  HS bổ sung –Nhận xét  Thuyết trình trước lớp – Theo dõi bổ sung giúp bạn  1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thuỷ điện lớn vì có nhiều con sông lớn như: Sông Đà, sông chảy, sông Gâm …  2.Nối theo yêu cầu  1.nối với b  2.nối với a  3 nối với c  Chia sẻ thêm hiểu biết về các hoạt động tương tự ở địa phương  - Đọc 2 câu hỏi vận dụng theo SGK  - Giới thiệu về dân tộc nội dung có thể đề cập đến gồm tên dân tộc, số dân, nơi cư trú, phong tục, nhà ở, trang phục,...  -Vẽ một bức tranh về ruộng bậc thang    Trình bày –Nhận xét lẫn nhau  Nhắc lại những nội dung cần nhớ  HS trình bày –Nhận xét bổ sung |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 2: TIẾNG VIỆT

**TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

- Biết cách giới thiệu câu chuyện (hoặc bài văn, bài thơ, bài báo) đã đọc ở nhà về tình cảm họ hàng, làng xóm.

- Lắng nghe bạn, biết ghi chép, nhận xét, đánh giá lời kể và ý kiến của bạn.

- Biết trao đổi cùng bạn về câu chuyện (hoặc bài văn, bài thơ, bài báo).

**2. Năng lực văn học**

- Biết bày tỏ sự yêu thích với những chi tiết thú vị trong câu chuyện.

**3. Phẩm chất**

Bồi dưỡng phẩm tự chủ, tự học: Rèn nề nếp tự học, có thói quen tự đọc sách.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Tổ chức trò chơi: “Phóng viên”  - Hình thức chơi: 1 HS sẽ lên làm phóng viên và hỏi các bạn dưới lớp:  *+ Nêu tên một người họ hàng mà bạn yêu quý nhất? vì sao?*  *+ Nêu một câu thơ, hoặc ca dao tục ngữ nói về tình làng xóm?*  - Dẫn dắt vào bài mới. | * Tham gia chơi trò chơi   - Trả lời  Ví dụ: Bán anh em xa mua láng giềng gần. ……  - Lắng nghe |
| **2. Thực hành nói**  **\* Hoạt động 1: Chuẩn bị**  - Mời HS đọc yêu cầu của bài tập 1 và bài tập 2 trong SGK.  - Mời một số học sinh cho biết em sẽ kể chuyện gì (hoặc đọc bài văn, bài thơ, bài báo gì), chuyện (bài) đó nói về ai.  - Điều chỉnh nếu học sinh chọn câu chuyện hoặc bài văn, thơ chưa đúng chủ đề.  - Nhận xét học sinh  **\* Hoạt động 2: Giới thiệu và trao đổi**  **1: Giới thiệu và trao đổi trong nhóm.**  - Yêu cầu học sinh trao đổi nhóm đôi, nói cho bạn nghe về câu chuyện của mình theo gợi ý  + Tên câu chuyện (hoặc bài thơ, bài văn) đó là gì? Tác giả là ai?  + Nội dung chính của câu chuyện (hoặc bài thơ, bài văn) nói về điều gì?  + Cảm xúc của em khi đọc câu chuyện (hoặc bài thơ, bài văn) đó thể nào?  *-*Theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; khuyến khích các em trao đổi về câu  **2. Giới thiệu trước lớp**   * Gọi 5 - 7 HS kết hợp giới thiệu và đọc hoặc kể lại câu chuyện (đọc bài thơ, bài văn) mà mình đã chọn.   (Cố gắng sắp xếp để có cả truyện kể, thơ (hoặc văn bản thông tin, văn bản miêu tả).  - Động viên HS kể; cho phép các em nhìn sách khi không nhớ một số chi tiết.  - GV và các bạn trong lớp nhận xét và khen ngợi bạn.  - Nhận xét, tuyên dương | - 2 HS đọc yêu cầu bài tập.   * Lần lượt giới thiệu về câu chuyện hoặc bài văn, bài thơ của mình.   - Thực hiện.  - Làm việc theo nhóm đôi: Trao đổi với các bạn trong nhóm về nội dung câu chuyện mà mình thích nhất  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp  5 -7 HS giới thiệu trước lớp  - Cả lớp nhận xét |
| **4. Vận dụng.**  - Cho Hs xem video một số câu chuyện, bài thơ, bài văn về tình làng nghĩa xóm  - Trao đổi những về nội dung các câu chuyện, bài thơ, bài văn đó  - Giao nhiệm vụ HS: Về nhà kể lại câu chuyện, bài thơ, bài văn cho người thân nghe.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - Quan sát video.  - Cùng trao đổi về câu chuyện được xem.  - Lắng nghe, về nhà thực hiện. |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: KHOA HỌC

**Bài 11. SỰ TRUYỀN NHIỆT (Tiết 3)**.

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

\* **Về nhận thức khoa học:**  Nêu được vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn.

\*  **Về tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:** Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ.

**\* Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương giải thích hoặc đưa ra một số cách làm vật nóng lên hay lạnh đi đơn giản.

- Rèn luyện kĩ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | |  |
| **1. Khởi động:** | | | |
| - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi ‘‘Truyền điện”. HS trả lời các câu hỏi sau:  Câu 1. Muốn đo nhiệt độ của người, vật ta dùng dụng cụ gì?  Câu 2. Nhiệt độ của người khỏe mạnh là bao nhiêu? Dấu hiệu nào cho biết cơ thể cần phải đi khám chữa bệnh?  Câu 3. Nêu cách sử dụng nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ cơ thể.  - GV gọi một số HS trả lời, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - Cả lớp tham gia chơi trò chơi cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.  + HS tiến hành chơi.  - Muốn đo nhiệt độ của người, vật ta dùng nhiệt kế.  - Nhiệt độ cơ thể người khỏe mạnh khoảng 37*°C*. Khi nhiệt độ cơ thể cao hoặc thấp hơn mức đó là dấu hiệu cơ thể bị bệnh, cần phải đi khám chữa bệnh.  • Cách sử dụng:  + Bật nguồn. Đưa đầu nhiệt kế lên gần trước trán.  +Bấm nút để đo nhiệt độ.  +Đọc và ghi lại kết quả.  - HS thi đua trình bày.  - HS lắng nghe. | | |
| **2. Hoạt động khám phá***:* | | | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu sự truyền nhiệt giữa các vật**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong logo con ong ở trang 47 SGK.  − GV mới HS nêu ví dụ và trao đổi chung cả lớp về vật nóng lên và vật lạnh đi.  − GV hướng dẫn HS thực hành tìm hiểu cách làm vật nóng lên hoặc lạnh đi, yêu cầu HS dự đoán kết quả trước khi làm thí nghiệm.  – HS làm thí nghiệm nhóm 4 theo các bước hướng dẫn trong SGK.  – Các nhóm trình bày kết quả thí nghiệm:  + Kết quả đo được cho thấy nhiệt độ của nước trong cốc và nước trong chậu thay đổi như thế nào?  + Kết quả này so với dự đoán của em ngay lúc đầu bài học có khác nhau không?  + Trong thí nghiệm trên, nhiệt truyền từ vật nào sang vật nào?  Lưu ý: GV cũng có thể bổ sung thông tin: Sau một thời gian đủ lâu, nhiệt độ của cốc và của chậu sẽ bằng nhau. Tuy nhiên, không cần giải thích sâu về điều này.  − HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi 1, 2 trong logo hỏi ở trang 47 SGK.  – GV yêu cầu một số HS trình bày, sau đó thảo luận chung cả lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời chính xác.  *GVKL:* Vật nóng lên do nhận nhiệt; lạnh đi vì nó truyền nhiệt (truyền nhiệt cho vật lạnh hơn). | | | -2 HS đọc: Nhiệt truyền từ vật nóng hơn sang vật lạnh hơn. Khi đó, vật nóng hơn thì lạnh đi, vật lạnh hơn thì nóng lên.  - HS nêu ví dụ.  - 2 – 3 HS đưa ra dự đoán.  -Nhóm 4 HS làm thí nghiệm.  - Đại diện HS trả lời:  + Kết quả đo được cho thấy nhiệt độ của nước trong cốc giảm đi và nhiệt độ của nước trong chậu tăng lên.  + Kết quả như dự đoán lúc ban đầu.  - HS lắng nghe, sửa bài.   * HS trả lời cá nhân.   +Khi bị nước nóng đổ vào tay, nhanh chóng đưa tay vào chậu nước nguội sạch hoặc dưới vòi nước chảy thì sẽ cảm thấy đỡ bỏng rát vì khi đó nước nguội sẽ làm giảm nhiệt độ ở vùng tay bị nước nóng đổ lên.  + Túi sưởi có thể giúp làm ấm người vì: nhiệt độ ấm từ túi sưởi truyền vào cơ thể người làm người ấm lên.  -HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập***:* | | | |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  - **Trao đổi về cách làm thức ăn nóng lên hoặc nguội đi?**  - GV mời các nhóm báo cáo kết quả.  - GV nhận xét tuyên dương. | | | **-** 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, ghi nội dung vào phiếu học tập.  *+* Một số cách làm cho thức ăn nóng lên: hâm thức ăn bằng lò vi sóng, đun thức ăn trên bếp lửa.  + Một số cách làm cho thức ăn nguội đi: Bỏ thức ăn ở nhiệt độ phòng hoặc để trước quạt hoặc bỏ vào tủ lạnh.  - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. |
| **GV kết luận bài học :**  ***Nhiệt độ cho biết mức độ nóng hay lạnh của một vật.***  ***Nhiệt kế dùng để đo nhiệt độ.***  ***Trong quá trình truyền nhiệt, vật nóng hơn truyền nhiệt cho vật lạnh hơn.*** | | | |
| **4. Vận dụng.** | | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Hoa đẹp bốn phương”  + GV chuẩn bị một số hoa bằng giấy màu.  + Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút.  + Các nhóm thi nhau đưa ra một số cách khác làm vật nóng lên hay lạnh đi trong cuộc sống. Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều hoa nhất nhóm đó thắng cuộc.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | | **-** HS lắng nghe GV HD cách chơi  - HS chia nhóm để tham gia trò chơi.  - Các nhóm bắt đầu chơi  **-** HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** | | | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ tư, ngày 04 tháng 12 năm 2024**

Tiết 2: TOÁN

**Bài 38: CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép chia cho số có nhiều chữ số cho số cố một chữ số.

- Vận dụng được kiến thức kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống thực tiễn liên quan.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tư duy và lập luân toán học: Tự đặt tính và thực hiện được phép chia cho số có nhiều chữ số cho số cố một chữ số.

- Năng lực giao tiếp toán học: Trao đổi, chia sẻ nhóm về cách thực hiện phép chia.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Đề xuất được các tình huống sử dụng phép chia số của nhiều chữ số cho một số để giải quyết vấn đề trong thực tế.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  Tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để nhắc lại các bước chia cho số có một chữ số  - Trình chiếu các ví dụ:  +Bạn hãy tìm kết quả phép chia 1104: 6 =  - Yêu cầu HS nhận xét  - Gv hỏi: Theo các em để thực hiện chia cho số còn một chữ số ta làm như thế nào?  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên  *\* Giới thiệu bài: Các em đã biết thực hiện một số phép chia cho số có 1 chữ số, hôm nay chúng ta tiếp tục thực hiện các phép chia cho số có 1 chữ số với trường hợp có nhiều chữ số hơn.* | - Thực hiện tính ra bảng con, 1 HS lên bảng  *-* Theo dõi làm bài và nhận xét bạn.  - HSTL  - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức:**  **-** Cho HS quan sát tình huống trong SGK trang 87, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  + Bạn nhỏ trong tranh đang đố bạn tìm mấy phép tính?  - Nêu: Phép tính thứ nhất cả lớp đã giúp bạn tìm được kết quả rồi.  - Ghi phép chia 187 284: 6  - Y/c HS trao đổi nhóm 4 tìm cách thực hiện phép chia.  - Y/ c đại diện các nhóm trình bày cách làm của nhóm mình.  - Yêu cầu HS nêu từng bước thực hiện của các lần chia.  - GV yêu cầu HS nhận xét  \* Gv chốt lại các thao tác thực hiện:  + Đặt tính  + Tính từ trái sang phải  - Đưa thêm phép tính để HS thực hiện các thao tác trên bảng con 54 672: 6 =?  - Yêu cầu HS trình bày cách làm.  - Gọi HS nhận xét, GV nhận xét  - Ở mỗi lượt chia con cần lưu ý gì về số dư?  - Nhận xét, tuyên dương, lưu ý cho HS ở các lượt chia khi có số dư bằng 0 và khác 0. | - Quan sát, TLCH  *+ 1104: 6 =? và 187 284: 6 =?*  - Thảo luận.  - Đại diện nhóm trình bày:  + Bước 1: Đặt tính  + Bước 2: Tính từ trái sang phải  - 3 HS nêu  - 2 HS nhận xét  - Lắng nghe  - Thực hành  - Trình bày kết quả  - Nhận xét  - Số dư luôn nhỏ hơn số chia  - Lắng nghe |
| **3. Thực hành, luyện tập**  **Bài 1.** Đặt tính rồi tính  **-** Yêu cầu hs đọc yêu cầu bài 1  -Yêu cầu hs làm bài cá nhân vào vở BT toán, trao đổi nhóm đôi, nói cho nhau nghe các bước thực hiện từng phép tính.  - Tổ chức chữa bài  + Gọi các nhóm trình bày kết quả trao đổi và làm việc của nhóm mình.  + Y/c HS nhận xét các nhóm trình bày  + Chốt đúng sai, y/c HS chữa (nếu sai)  - Nhận xét, tuyên dương  - Yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra  \***Chốt**: Bài tập 1 giúp em luyện tập kiến thức gì?  *Để vận dụng kiến thức chúng ta vừa học vào giải toán chúng ta cùng đến với bài tập 2.* | - 2HS đọc  - trao đổi nhóm 2 và trình bày bài cá nhân vào vở bài tập  - Thực hiện, nhận xét đánh giá lẫn nhau.  - Các nhóm trình bày kết quả trao đổi và làm việc của nhóm mình (đại diện 3 nhóm làm vào phiếu hoặc bảng con).  - Nhận xét  - Lắng nghe, chữa bài (nếu sai)  - Lắng nghe  - Luyện tập thực hành chia cho số có nhiều chữ số cho số có một chữ số. |
| **Bài 2.**  - Gọi HS đọc bài 2.  - Bài tập gồm mấy yêu cầu?  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Yêu cầu HS lên bảng  - Chữa bài:  + Gọi HS nêu cách thực hiện phép chia  + Yêu cầu HS nhận xét  + Y/c 1 bạn trình bày bài làm và 1 bạn nêu cách thực hiện phép chia.  + y/c HS nhận xét, GV nhận xét chốt đúng sai, yêu cầu HS chữa bài (nếu làm sai)  + Ở mỗi lần chia nếu số bị chia nhỏ hơn số chia thì ta làm thế nào?  *- KL: Ở mỗi lượt chia các con cần làm đủ các thao tác” chia – nhân- trừ - hạ, lưu ý với trường hợp có chữ số 0 ở thương.*  **4. Vận dụng**  - Qua bài học ngày hôm nay, các con biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính các con cần lưu ý điều gì? | - 3HS đọc  - HS TLCH  - Làm bài cá nhân  - 4HS lên bảng  72060 4  32 18015  00  06  20  0  - 2-3HS chia sẻ  - Ta viết 0 ở thương.  -Trả lời cá nhân |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**



Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**BÀI ĐỌC 4: ANH ĐOM ĐÓM (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ các âm, vần, thanh mà địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 80 -85 tiếng/ phút.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Bài thơ kể về anh đom đóm chuyên cần canh gác cho mọi người ngủ ngon, từ đó ca ngợi những tấm lòng biết quan tâm tới mọi người xung quanh.

**2. Năng lực văn học**

- Biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ hay, hình ảnh đẹp

**3. Phẩm chất**

Bồi dưỡng phẩm chất đoàn kết, chia sẻ với mọi người trong cộng đồng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Tổ chức trò chơi: “Gọi thuyền”  - Hình thức chơi: Lớp trưởng sẽ lên điều khiển cả lớp, bạn lớp trưởng hô: “gọi thuyền, gọi thuyền”, ở dưới lớp sẽ hô: “thuyền ai, thuyền ai?” bạn lớp trưởng hô thuyền bạn nào thì bạn đó sẽ trả lời 1 câu hỏi do bạn đưa ra:  *+ Kể tên một loại côn trùng mà bạn biết?*  *+ Bạn có biết về đom đóm không?*  - Dẫn dắt vào bài mới: Đom đóm là loài côn trùng có cánh rất quan trọng với nhiều người Việt Nam. Chúng gắn liền với cảnh làng quê yên bình, gắn liền với những câu chuyện cổ tích, ca dao, tục ngữ dành cho thiếu nhi. Hôm nay chúng ta sẽ học bài thơ về anh đom đóm, rất có trách nhiệm với công việc của mình qua bài đọc 4: Anh đom đóm. | - Tham gia chơi trò chơi  - bươm bướm, bọ ngựa, chuồn chuồn, ve sầu,....  - 2-3 HS trả lời.  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá***.*  **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - Đọc mẫu: Anh đom đóm với giọng đọc phù hợp với nội dung bài thơ, giọng đọc vui tươi, nhẹ nhàng  - Giải nghĩa từ khó:đom đóm, chuyên cần, cò bợ, vạc.  - HD chia khổ thơ: 6 khổ thơ  (Mỗi khổ thơ gồm 4 dòng)  - GV nhận xét các nhóm.  - 1 HS khá giỏi đọc toàn bài.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  *-*Giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi. GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Đêm đêm, anh đom đóm làm công việc gì?  + Những chi tiết nào cho thấy anh đom đóm rất tận tụy với công việc?  + Tác giả dựa vào đặc tính nào của loài đom đóm để xây dựng nên nhân vật anh đom đóm trong bài thơ?  + Chủ đề của bài thơ là gì?    - Mời HS trình bày, báo cáo kết quả  - Nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  - Yêu cầu nhắc HS đọc thuộc lòng 5 khổ thơ đầu. | - Lắng nghe.  - Lắng nghe cách đọc.  - Đọc nối tiếp theo khổ thơ  HS đọc 2-3 lượt  - Đọc theo yêu cầu.  + Đêm đêm anh đom đóm xách đèn lồng đi gác cho mọi người ngủ ngon.  + Đó là các chi tiết: Anh đom đóm chuyên cần lên đèn đi gác từ lúc trời bắt đầu tối (Mặt trời gác núi, bóng tối lan dần); anh đi suốt một đêm lo cho người ngủ, khi gà gáy sáng anh đóm mới lui về nghỉ.  + Loài đom đóm phát sáng trong đêm tối và thường bay lượn khắp nơi vào buổi tối.  + Bài thơ kể về anh đom đóm chuyên cần canh gác cho mọi người ngủ ngon, từ đó ca ngợi mối quan hệ làng xóm, láng giềng, tương thân, tương ái, ca ngợi hành động quan tâm tới mọi người trong cộng đồng.  - Đại diện nhóm trình bày  - Lắng nghe. |
| **3. Luyện tập, thực hành**  - Hướng dẫn HS đọc diễn cảm khổ thơ 1 và khổ thơ 2 chú ý cách ngắt nghỉ hơi ở câu dài, nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng: **mặt trời, bóng tối, anh đóm, đi gác, gió mát, rất êm, đi suốt, người ngủ,**  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - Nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS | * Luyện đọc theo nhóm * Thi đọc diễn cảm. |
| **4. Vận dụng.**  **-** Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  *+ Kể một việc em đã làm để giúp đỡ mọi người?*  🡪GDHS: - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, giúp đỡ mọi người, giúp đỡ cộng đồng.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - Tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Trình bày suy nghĩ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe, chia sẻ  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: ỨNG XỬ VĂN HÓA NƠI CÔNG CỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Khảo sát, đánh giá được thực trạng nơi công cộng.

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng làm việc nhóm.

- Vận dụng vào thực tiễn: Biết nhận xét cách ứng xử văn hóa ở trường, lớp để tham gia ứng xử văn hóa tốt.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua hoạt động khảo sát ứng xử văn hóa, biết yêu quý thầy cô, yêu bạn bè, mọi người xung quanh và yêu bản thân. Chia sẻ về những hành vi văn hóa nơi công cộng mà bản thân và mọi người đã thực hiện.

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng bạn và lắng nghe trong tham gia hợp tác nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ để thực hiện tốt phiếu khảo sát theo yêu cầu.

- Phẩm chất trung thực: Tham gia khảo sát trung thực, đảm bảo đúng yêu cầu của thầy, cô.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc trong làm việc nhóm và khảo sát thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Giấy, bút, bút màu, thước kẻ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức múa hát bài “ Tiếng hát bạn bè mình” – Nhạc và lời Lê Hoàng Minh để khởi động bài học.  - Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát và các hoạt động múa, hát mà các bạn thể hiện trước lớp.  - Nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điều bài hát.  - Chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp.  - Lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:*  **Hoạt động 1: Chia sẻ hành vi văn hóa nơi công cộng.**  **+Làm việc nhóm:**  - Chia lớp thành các nhóm (từ 4-6 HS).  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận và kể cho nhau nghe về những hành vi văn hóa nơi công cộng mà mình đã thực hiện  - Theo dõi, hỗ trợ HS.  + Chia sẻ trước lớp:  - Kết thúc thời gian thảo luận, GV mời các nhóm lên chia sẻ về các hành vi văn hóa nơi công cộng mà các bạn trong nhóm đã thực hiện.  - Nhận xét, tuyên dương và kết luận:  Có rất nhiều hành vi ứng xử có văn hóa ở trong cuộc sống của chúng ta. Mỗi ngày, chúng ta đều gặp và giao tiếp với nhiều người, chính vì vậy, các em luôn chú ý để lựa chọn cho mình cách ứng xử, giao tiếp có văn hóa. | - Lắng nghe nhiệm vụ.  - Chia các nhóm, bầu nhóm trưởng, thư kí và tiến hành.  - Nói về cảm xúc của mình khi thực hiện những hành vi văn hóa đó.  - Các nhóm làm việc nghiêm túc. Ghi đầy đủ các nội dung vào phiếu.  - Các nhóm nối tiếp chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét. |
| **3. Luyện tập.**  **\* Hoạt động 2: Xây dựng Quy tắc ứng xử nơi công cộng.**  \* Làm việc nhóm:  - Chia lớp thành các nhóm (có thể là các nhóm đã chia ở Hoạt động 1).  - Tổ chức cho các nhóm thảo luận để xây dựng  \*Làm việc cả lớp:  - Tổ chức cho các nhóm chia sẻ Quy tắc ứng xử nơi công cộng trước lớp.  - Tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận.  - Nhận xét, tuyên dương và kết luận:  Có rất nhiều địa điểm công cộng xung quanh em như: công viên, bênh viện, chợ, bến xe, các di tích lịch sử, bảo tàng,... Khi đến các địa điểm công cộng, chúng ta cần lưu ý thực hiện những quy tắc ứng xử như: không nói to, gây ồn ào, mất trật tự; giúp đỡ và nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ có thai, người tàn tật; không vứt rác bừa bãi; cư xử thân thiện, lịch sự,... | - Tạo nhóm, làm việc theo yêu cầu, chú ý gợi ý của GV.  Quy tắc ứng xử nơi công cộng theo gợi ý:  + Kể tên những địa điểm công cộng xung quanh em.  + Xác định những hành vi nên làm và không nên làm ở nơi công cộng.  +Trình bày lên giấy thành Quy tắc ứng xử nơi công cộng.  + Trang trí cho bản Quy tắc ứng xử nơi công cộng thật sinh động.  - Các nhóm tổng hợp kết quả.  - Lần lượt các tổ trưởng báo cáo kết quả của nhóm mình.  -Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét về nội dung và hình thức trình bày của nhóm bạn.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng.**  - Mời học sinh thảo luận nhóm 4, cùng nhau nghiên cứu và đưa ra ý tưởng xây dựng cách ứng xử văn hóa nơi công cộng.  - Mời các nhóm trình bày.  - Nhận xét, tổng hợp ý kiến và tuyên dương (Những ý kiến hay, phù hợp GV có thể lên kế hoạch để HS thực hiện dưới sự hỗ trợ của giáo viên)  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.  - Hướng dẫn HS tự giác thực hiện hành vi văn hóa nơi công cộng trong cuộc sống | - Thảo luận, và đưa ra sáng kiến để xây dựng ứng xử văn hóa nơi công cộng.  - Các nhóm trình bày.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ năm, ngày 05 tháng 12 năm 2024**

Tiết 1: TOÁN

**Bài 38: CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Vận dụng được kiến thức kĩ năng về phép nhân, phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống thực tiễn liên quan.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, nắm vững cách thực hiện chia cho số có một chữ số.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được các tình huống sử dụng phép chia số của nhiều chữ số cho một số để giải quyết vấn đề trong thực tế.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  Tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để nhắc lại các bước chia cho số có một chữ số  - GV trình chiếu các ví dụ:  - Yêu cầu HS nhận xét  - Gv hỏi : Theo các em để thực hiện chia cho số còn một chữ số ta làm như thế nào?  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên  \* Giới thiệu bài:  **2. Thực hành, luyện tập**  **Bài 3.** HS trao đổi nhóm 2 thực hiện vào nháp và ghi KQ vào vở BT toán.  -Yêu cầu HS đọc bài tập 3  - Giao nhiệm vụ: trao đổi nhóm 2 thực hiện phép tính ra nháp (nếu cần) rồi ghi KQ vào vở BT toán.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi  - Yêu cầu HS đại diện các nhóm trình bày  - Khi thực hiện thử lại bằng phép nhân con làm thế nào?  - Gọi HS nhận xét bài làm của 3 nhóm đại diện.  - Bài 3 đã rèn cho các con các kỹ năng nào?  **Bài 4.**  -Yêu cầu HS đọc bài tập 4  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Để tìm sau khi đổ mỗi bể có chứa bao nhiêu lít xăng con làm như thế nào?  - Nhận xét, yêu cầu HS làm bài.  - Yêu cầu HS trình bày  Bài 3 đã rèn cho các con các kĩ năng nào?  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa.  - GVKL về việc tại sao lại cấm lửa ở cây xăng, liên hệ phòng cháy chữa cháy.  **3. Vận dụng**  ***Bài 5***. HS thảo luận N2 rồi làm bài vào vở.  - Gọi HS đọc bài 5.  - Yêu cầu HS nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì và cùng thảo luận cách làm bài.  - Chữa bài:  + Gọi một nhóm trao đổi và chia sẻ trước lớp.  + Y/c nhóm đó 1 bạn trình bày bài làm và 1 bạn nêu cách thực hiện phép chia  + Vậy thực tế sẽ cần bao nhiêu hộp để xếp hết số cốc trên? Vì sao?  - Em hãy nêu một tình huống trong thực tế liên quan đến phép chia đã học rồi chia sẻ với cả lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Qua bài học ngày hôm nay, các con biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính các con cần lưu ý điều gì?  - Chuẩn bị bài sau: Luyện tập | - Thực hiện tính ra bảng con, 1 HS lên bảng  *-* Theo dõi làm bài và nhận xét bạn.  - HSTL  - Lắng nghe  - 2HS đọc  - Lắng nghe nhiệm vụ của mình.  - Thảo luận, nói cách làm với bạn  - Trình bày  - Nêu: Để thử lại con lấy thương nhân với số chia.  - HS nhận xét  - Kỹ năng chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số và kĩ năng nhân với số có một chữ số.  - 2 Học sinh đọc bài  - nêu  - Trả lời  - Làm bài, 1 HS làm bài phiếu to    - Trình bày. HS nhận xét, bổ sung  - Kỹ năng chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số vào giải bài toán.  - Nhận xét   * 3 HS đọc   - Thực hiện trao đổi trước lớp  - Làm bài.  Bài giải:  Ta có: 187 250: 6 = 31 208 (dư 2)  Có thể xếp được nhiều nhất vào 31208 hộp và còn thừa 2 chiếc cốc.  - 31209 hộp vì phải thêm 1 hộp để đựng 2 chiếc cốc còn thừa.  - HS nêu  *-* HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

- Tìm được tính từ trong đoạn văn, xếp được tính từ vào nhóm thích hợp.

**2. Năng lực văn học**

- Viết được đoạn văn có tính từ theo yêu cầu.

- Viết được một số câu văn bước đầu có từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.

**3. Phẩm chất.**

Phẩm chất chăm chỉ, hoàn thành nhiệm vụ được giao, yêu quý họ hàng.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Tổ chức cho học sinh vừa múa, vừa hát bài: Chị ong nâu.  + Bài hát chị ong nâu có những tính từ nào ?  - Nhận xét – tuyên dương.  - Giới thiệu bài: Tuần trước các em đã được học ý nghĩa của tính từ. Hôm nay chúng ta sẽ luyện tập về tính từ. | **-** Vừa hát vừa múa.  - Nghe và cảm nhận  **+** 2-3 HS trả lời: nâu nâu, nhanh, chăm, lười... |
| **2. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Tìm tính từ trong đoạn văn.**   * Mời 1 HS đọc bài tập 1. * Yêu cầu HS đọc thầm, thảo luận nhóm 6, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để hoàn thành bài tập. * Kiểm tra, hỗ trợ các nhóm. * Đại diện 2 nhóm trình bày, lớp nhận xét. * Các tính từ trong đoạn văn là: đẹp, nhẹ, lạnh, hối hả, chắc, đầy, cao lớn, sừng sững, xanh, chắc, khoẻ, to, chất phác, giản dị, giản dị, thân mật.   **Hoạt động 2: Xếp các tính từ vào nhóm thích hợp**:  - Mời một HS đọc yêu cầu trước lớp.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Yêu cầu đại diện 2-3 nhóm trả lời.  - Nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng:  + Tính từ chỉ hình dáng: cao lớn, sừng sững, to  + Tính từ chỉ tính cách: chất phác, giản dị, thân mật  + Tính từ chỉ tính chất: đẹp, nhẹ, lạnh, hối hả, chắc, đầy, khoẻ  + Tính từ chỉ màu sắc: xanh.  **Hoạt động 3: Viết đoạn văn** (BT 3)  **Bài 3:** Viết một đoạn văn ngắn từ 4-5 câu về một người họ hàng của em, trong đó có sử dụng ít nhất 3 tính từ.  - Giao nhiệm vụ cho viết đoạn văn vào vở  -Trình bày đoạn văn đã viết trước lớp.  - Nhận xét, sửa lỗi (nếu có), giúp HS hoàn chỉnh đoạn văn. | -1 HS đọc BT 1; cả lớp đọc thầm.  - Thảo luận nhóm 6.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các HS khác nhận xét, góp ý.  -1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện 2-3 nhóm trả lời.   * Trình bày   Làm bài các nhân vào vở  2-4 HS đọc. Các HS khác nhận xét, góp ý. |
| **3. Vận dụng.**  **-** Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  + Đặt một câu nói về người thân của mình có sử dụng tính từ.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - Nói trước lớp  VD: Mẹ em rất xinh đẹp  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4: CÔNG NGHỆ

**Bài 6: TRỒNG VÀ CHĂM SÓC HOA TRONG CHẬU (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực nhận thức công nghệ: Mô tả được các công việc chủ yếu để chăm sóc một số loại hoa phổ biến.

- Năng lực giao tiếp công nghệ: Giới thiệu được sản phẩm chậu hoa do mình trồng và chăm sóc.

- Năng lực sử dụng công nghệ:

+ Sử dụng được một số dụng cụ trồng hoa đơn giản.

+ Trồng và chăm sóc được một số loại hoa trong chậu.

- Năng lực đánh giá công nghệ: Nhận xét được sản phẩm chậu hoa theo các tiêu chí đánh giá.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có hứng thú với việc trồng, chăm sóc và bảo vệ hoa, cây cảnh.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích hoa và cây cảnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:** | | | |
| - Cho HS quan sát một số hình ảnh về các loại hoa mười giờ.  - Em thường thấy hoa mười giờ được trồng ở đâu?  - Vì sao được gọi là hoa mười giờ?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | | - HS trả lời theo suy nghĩ của mình:  - Thấy ở vườn trường, công viên, .....  - Vì nó nở lúc 10 giờ.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | | | |
| **Hoạt động 1: Công việc chuẩn bị trồng cây hoa mười giờ trong chậu.**  - GV đề nghị HS quan sát các hình ảnh của ba thao tác chuẩn bị cây con hoa mười giờ để trồng trong chậu ở trang 31 SGK và mô tả từng thao tác theo trình tự.    - GV có thể giải thích thêm cho HS hiểu là đoạn cành hoa mười giờ tách từ cây mẹ đem trồng  (giâm) vào giá thể đủ ẩm sẽ ra rễ và hình thành cây con.  - GV cho HS thảo luận nhóm 4  - GV nhận xét và giúp HS hiểu rõ cần chuẩn bị các vật liệu, vật dụng và dụng cụ để trồng cây hoa mười giờ cũng giống như để trồng cây hoa cúc chuồn. | | HĐN4  - HS quan sát hình và mô tả theo đúng trình tự thao tác chuẩn bị cây con hoa mười giờ để trồng trong chậu.  - Thảo luận và viết ra giấy tên các vật liệu, vật dụng và dụng cụ để trồng cây hoa mười giờ trong chậu.  - Đại diện nhóm lên báo cáo. Nhóm khác nhận xét. | |
| **3. Luyện tập.** | | | |
| **Hoạt động 2: Trồng và chăm sóc cây hoa mười giờ trong chậu.**  - GV đề nghị HS quan sát các hình các thao tác trồng và chăm sóc hoa mười giờ ở trang 31, 32 SGK. GV lưu ý HS các thao tác trồng và chăm sóc hoa mười giờ tương tự như đối với hoa cúc chuồn.    - Nêu các thao tác trồng cây hoa mười giờ trong chậu?  - GV nhận xét.    - Kể các bước chăm sóc cây hoa mười giờ trong chậu.  - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS.  - GV tổ chức cho HS cùng bạn trồng và chăm sóc hoa mười giờ trong chậu.  - Sau khi kết thúc thực hành GV yêu cầu HS làm vệ sinh sạch sẽ khu vực thực hành và cất vật dụng đúng nơi quy định.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Đọc thông tin trong mục “Em có biết?” trang 33 SGK  *1. Có nhiều loại động vật gây hại cho hoa và cây cảnh như: sâu xanh, sâu xám, rệp, bọ trí, ốc sên, chuột, …Ngoài ra, vật nuôi trong gia đình cũng có thể gây hại cho hoa và cây cảnh.*  *2. Hoa trồng trong chậu có thể được đặt ở trong sân vườn, trên sân nhà, trên bàn hoặc có thể treo trên giàn, ban công cửa sổ, hàng rào,…*  *\* Sau khi trồng cây hoa trong chậu, cần cung cấp đủ ánh sáng, tưới nước hằng ngày, tưới nhẹ nhàng, tưới đều và đủ ẩm. Bón phân định kì và ngừng bón khi cây ra hoa nhiều. Cắt tỉa những bông hoa, lá, cành tàn, héo, những cành mọc chen chúc.*  *Chú ý cần bảo về hoa khỏi sự phá hoại của các loại động vật như: sâu, ốc sên, vật nuôi trong gia đinh.* | | - HS quan sát hình và mô tả theo đúng trình tự thao tác trồng cây hoa mười giờ trong chậu.  - HS trả lời  - HS trả lời.  - HS để đồ dùng đã chuẩn bị trước mặt.  - HS thực hiện cùng bạn trong nhóm 4.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hành.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  - 1 - 2 HS đọc. | |
| **4. Vận dụng.** | | | |
| - GV mời HS cam kết về nhà cùng với người thân tham gia chăm sóc hoa và cây cảnh ở nhà. Báo cáo cho thày, cô biết kết quả  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | | - Học sinh cam kết thực hiện và có báo cáo kết quả cho thầy, cô.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** | | | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 1: TOÁN

**BÀI 39: CHIA CHO 10, 100, 1000, …**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Học sinh biết cách thực hiện phép chia một số tự nhiên cho 10, 100, 1000, …

- Vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm khi chia cho 10,100, 1000, …

**2. Năng lực**

- Năng lực tư duy lập luận toán học: Chủ động học tập, biết cách thực hiện phép chia một số tự nhiên cho 10, 100, 1000, …

- Năng lực giao tiếp toán học: Trao đổi, chia sẻ nhóm về cách chia cho 10, 100, 1000, …

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm khi chia cho 10,100, 1000, …

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Tranh như phần khởi động, một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia cho 10, 100, 1000, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. khởi động**  - Yêu cầu HS quan sát tranh và nêu yêu cầu của cô giáo.  - Yêu cầu HS nêu phép tính nhân với 10 và từ đó chia cho 10 tương ứng.  - Giới thiệu bài | - 2 HS nêu tình huống  - 4 HS nêu  - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức:**  ***a) Tính 230: 10 =?***  - Yêu cầu hs thảo luận nhóm 4 nêu cách làm.  - Cùng các nhóm chia sẻ trước lớp.  - Vì sao con biết 230 : 10 = 23.  - Con có nhận xét gì về thương của phép chia 230 : 10 với số bị chia có phép chia đó?  ***b) Tính 2300 : 100 =?***  - Cùng các nhóm chia sẻ trước lớp.  - Vì sao con biết 2300 : 100 = 23.  - Con có nhận xét gì về thương của phép chia 2300 : 100 với số bị chia có phép chia đó?  - Gọi HS nêu các bước tính  - Nhận xét, tuyên dương, chốt lại các bước tính: Khi chia các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, … cho 10, 100, 1000, … ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba,….chữ số 0 ở bên phải số đó.  - Đọc phép tính, HS thực hiện trên bảng con.  - Nhận xét, tuyên dương. | * Thảo luận   - HS đại diện các nhóm chia sẻ  - HSTL  - Thương của phép tính chỉ bớt đi một chữ số 0 so với số bị chia ban đầu.  - Đại diện các nhóm chia sẻ  - HSTL  - Thương của phép tính chỉ bớt đi hai chữ số 0 so với số bị chia ban đầu.  - HS nêu  - Ghi kết quả vào bảng con. |
| **3.Thực hành, luyện tập**  **Bài 1:**  **-** Yêu cầu HS đọc đề bài  - Yêu cầu hs làm Cá nhân – Trao đổi nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp  - Yêu cầu cá nhân lần lượt chia sẻ trước lớp.  - Gọi HS nhận xét - Nhận xét, chốt kết quả đúng, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra.  **Bài 2: Tính nhẩm (theo mẫu)**   Ghi bảng phép chia 840: 40 =?  - Yêu cầu HS suy nghĩ  ? Nhận xét kết quả 840: 40 và 84: 4?  ? Em có nhận xét gì về các chữ số của 840 và 40, của 84 và 4?  - Nêu kết luận: Vậy để thực hiện 840: 40 ta chỉ việc xoá đi một chữ số 0 ở tận cùng của 840 và 40 để được 84 và 4 rồi thực hiện phép chia 84: 4.  - Nhận xét và kết luận  - Yêu cầu HS làm bài  - Khi thực hiện tính nhẩm ở phần b, con xóa đi ở mỗi số của phép tính bao nhiêu chữ số 0?  - Lưu ý học sinh: Cách vận dụng quy tắc chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000 khi tính nhẩm các số tròn chục, tròn trăm với nhau.  *- Qua bài tập 2, con biết điều gì?* | - 2 HS đọc  - 1HS đọc phép tính – 1 HS nêu kết quả  - Chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét bài.  - Đổi chéo vở kiểm tra.  - Hai phép chia cùng có kết quả là 8.  - Nếu cùng xoá đi một chữ số 0 ở tận cùng của 320 và 40 thì ta được 32: 4.  - Lắng nghe.  - HS làm bài cá nhân.  a) 350: 50 = 7 b) 2400: 60 = 40  240: 30 = 8 6300: 70 = 90  - HS trả lời  - Chia nhẩm các số tròn chục, tròn nghìn với nhau. |
| **Bài 3.**  **-**Yêu cầu HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu trao đổi nhóm 2 – chia sẻ trước lớp.  - Gọi HS chia sẻ trước lớp  - Nhận xét, tuyên dương  - Bài 3 giúp em biết điều gì ?  *- yêu cầu HS nêu lại cách chia một số cho 10, 100, 1000, …* | **- 2**HS đọc đề bài - 3HS trả lời  - 3 HS trả lời  - Thảo luận nhóm 2 trao đổi kết quả, giải thích cách làm  -1HS chia sẻ trước lớp  - Vận dụng kĩ năng chia một số cho 10, 100, 1000, …. để giải quyết các bài toán liên quan. |
| **4. Vận dụng**  **Bài 4: Trò chơi**  - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”  - Nêu luật chơi: Một học sinh nêu phép tính chia một số cho 10,100, 1000, … và đố bạn tìm kết quả. Sau đó, đổi lượt cho nhau, một người đố, một người trả lời.  - Qua bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến bài học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó rồi chia sẻ với bạn. | - Chơi theo nhóm đôi.  - Một số nhóm đội chơi trước lớp.  - HS nêu  - Lắng nghe yêu cầu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

**BÀI 5: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

***-* Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:**

+ Kể tên được một số lễ hội văn hoá đặc trưng của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Trình bày được mục đích của các lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**- Năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí**:

**-** Từ những nguồn tư liệu, nêu được nhận xét về đặc điểm của các lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:**

- Sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận về một lễ hội văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**2. Phẩm chất:**

Yêu nước: tôn trọng văn hóa của các dân tộc của đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  - Chiếu tranh, yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi,  quan sát hình 1, 2 SHS tr.23 và trả lời câu hỏi: Những hình ảnh dưới đây gợi cho em điều gì về đời sống của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?  - Mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời.  - Nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  **+ Hình 1.** Người Thái ở Sơn La đang múa xòe kết hợp nhảy sạp (múa sạp). Múa xòe, nhảy sạp (múa sạp) là các hình thức diễn xướng dân gian, là các loại hình văn hoá mang tính cộng đồng của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **+ Hình 2.** Người dân bán thổ cẩm tại chợ phiên. Thổ cẩm là sản phẩm thủ công đặc trưng của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, được dùng làm trang phục, là một mặt hàng trao đổi, buôn bán tại các phiên chợ.  - Dẫn dắt HS vào bài học:  - GV ghi tên bài lên bảng.  **2. Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về lễ hội truyền thống**  - Chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ học tập).  - Giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:  + Đọc thông tin, quan sát hình 3 – 6 SHS tr.24, kể tên và mô tả các lễ hội truyền thống của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng).    + Hướng dẫn HS lập bảng so sánh các nội dung chính của hai lễ hội:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thông tin/ Lễ hội | Lễ hội Gầu Tào | Lễ hội Lồng Tồng | | Thời gian |  |  | | Ý nghĩa |  |  | | Hoạt động chính |  |  |   - Lưu ý các đặc trưng tiêu biểu của mỗi lễ hội.  - Mời đại diện 4 nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Nhận xét, đánh giá và kết luận:  - Mở rộng kiến thức:  + Lễ hội Gầu Tào (có nghĩa là hội chơi ngoài trời); lễ hội Lồng Tồng (có nghĩa là xuống đồng), lễ hội Lồng Tồng cũng thường được gọi là lễ hội Lồng Tông.  + Với mục đích như vậy, lễ hội Gầu Tào nghiêng về tổ chức nghi lễ cảm tạ trời đất và các trò chơi ngoài trời; lễ hội Lồng Tồng nghiêng về các hoạt động liên quan đến nông nghiệp, các nghi lễ nông nghiệp cổ xưa.  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về múa hát dân gian**  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát hình 7, 8 SHS tr.25, kết hợp đọc mục Em có biết và trả lời câu hỏi: Em hãy kể tên một số loại hình múa hát dân gian tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV mời đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  + Hát Then: Là một loại hình diễn xướng âm nhạc tín ngưỡng dân gian của đồng bào Tày, Nùng, Thái ở vùng núi phía Bắc.  + Múa xòe Thái:  ● Là loại hình múa truyền thống đặc sắc, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của cộng đồng người Thái ở các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  ● Nghệ thuật xòe Thái là biểu tượng cho nghệ thuật vũ đạo, âm nhạc, trang phục và ứng xử văn hoá của cộng đồng người Thái.  - Kết luận: Múa hát dân gian là những loại hình nghệ thuật độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá, giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về chợ phiên vùng cao.**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, quan sát hình 9, 10, kết hợp đọc thông tin SHS tr.25, 26 và trả lời câu hỏi:  + Chợ phiên vùng cao được tổ chức vào thời gian nào?  + Em ấn tượng nhất điều gì về chợ phiên vùng cao?  - GV hướng dẫn HS khai thác các nội dung:  + Thời gian tổ chức có gì đặc biệt so với các chợ vùng đồng bằng.  + Nhận xét các hàng hóa được bán tại chợ phiên: bán những gì, sản phẩm đó có gì đặc biệt?  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Chợ phiên vùng cao được tổ chức mỗi tuần một lần, thường là ngày chủ nhật.  + Những hàng hoá tại chợ phiên được bày bán một cách rất mộc mạc, không cầu kì, thường là những sản phẩm nông nghiệp hay thủ công do chính người dân làm ra, mỗi người chọn cho mình một góc và trải hàng ra bán.  + Những người đến chợ không chỉ mua bán, trao đổi hàng hoá, mà còn để gặp gỡ bạn bè, giao duyên, giao lưu văn hoá giữa các dân tộc,...  - Trình chiếu cho HS quan sát thêm một số hình ảnh về chợ phiên vùng cao:  **3. Luyện tập.**  ***Nhiệm vụ 1: Chơi trò chơi Ai nhanh hơn?***  - GV chia HS cả lớp thành 2 đội (4 HS/đội). Các HS còn lại cổ vũ cho 2 đội chơi.  - GV lần lượt đọc các hỏi trắc nghiệm, các đội xung phong giành quyền trả lời. Đội nào có câu trả lời đúng và nhanh nhất, đó là đội chiến thắng.  - GV đọc câu hỏi:  **Câu 1:** Đâu là lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?  A. Lễ hội Đua bò bảy núi.  B. Lễ hội Lồng Tồng.  C. Lễ hội Bà chúa xứ núi Sam.  D. Lễ hội Tống Ôn.  **Câu 2:**Đặc trưng của lễ hội Gầu Tào là:  A. Thường được tổ chức vào những ngày cuối năm.  B. Mang đậm văn hóa nông nghiệp, phản ánh tâm tư.  C. Là nguyện vọng của dân tộc Tày, Nùng với mong ước cả năm được mùa, khỏe mạnh.  D. Là dịp để đồng bào người Mông tụ họp, giao lưu thắt chặt tình đoàn kết.  **Câu 3:**Loại hình diễn xướng âm nhạc tín ngưỡng dân gian của đồng bào Tày, Nùng, Thái phía Bắc là?  A. Hát Then.  B. Hát Bài chòi.  C. Hát Chầu văn.  D. Hát Xẩm.  **Câu 4:**Ý nào dưới đây đúng khi nói về Múa xòe Thái?  A. Là loại hình múa truyền thống đặc sắc, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của cộng đồng người Thái ở các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  B. Múa xoè Thái thể hiện tinh thần bình đẳng, không phân biệt giới tính, độ tuổi của người Thái.  C. Nghệ thuật xòe Thái là biểu tượng cho nghệ thuật vũ đạo, âm nhạc, trang phục và ứng xử văn hoá của cộng đồng người Thái.  D. Tất cả A, B, C đều đúng.  **Câu 5:**Chợ phiên vùng cao có điểm khác biệt nào so với các chợ ở vùng đồng bằng?  A. Hàng hóa bày bán mộc mạc, không cầu kì.  B. Là nơi giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.  C. Được tổ chức mỗi tuần một lần.  D. Tất cả A, B, C đều đúng.  - Đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | **Đáp án** | B | D | A | D | D |   - Tổng kết trò chơi.  ***Nhiệm vụ 2: Mô tả về một lễ hội văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.***  - GV chia HS thành các nhóm nhỏ (4 – 6 HS/nhóm).  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: *Mô tả về một lễ hội văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  - GV gợi ý cho các nhóm trình bày các thông tin theo gợi ý SHS (tên lễ hội, thời gian, hoạt động chính, ý nghĩa) hoặc vẽ sơ đồ tư duy.  - GV nhận xét, đánh giám khích lệ HS.  - GV cho HS tham khảo thông tin về lễ hội hoa ban Điện Biên: | - Làm việc nhóm đôi.    - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - Lắng nghe, tiếp thu.         * Lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.        - Chia nhóm, nhận nhiệm vụ của nhóm.  - Lắng nghe hướng  dẫn.  - Các nhóm tiến hành thảo luận theo nhóm 6 điền vào phiếu học tập.  - GV chiếu phiếu trên webcam.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Nhóm khác theo dõi và nhận xét.  - Lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - Lắng nghe yêu cầu.  - Tiến hành thảo luận theo nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  Xem video.  - Lắng nghe GV kết luận.  - Lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu.  - Tiến hành thảo luận  theo nhóm đôi.  - Lắng nghe.  - Tham gia trò chơi. HS chia thành hai đội.  - Lắng nghe GV phổ biến.  - Các đội chơi giành quyền trả lời bằng cách phất cờ.  - HS lắng nghe.  - Tiến hành chia nhóm.  - Nhận nhiệm vụ.  - Lắng nghe gợi ý.  - Tiến hành thảo luận theo nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Nhóm khác theo dõi và nhận xét.  - HS xem video. |
| **4. Vận dụng**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu: *Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu một nét văn hóa đặc trưng của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  - Hướng dẫn HS sưu tầm thông tin, hình ảnh trên sách, báo, đài, internet,...Nội dung giới thiệu gồm các thông tin sau:  *+ Tên lễ hội, loại hình dân gian, cảnh họp chợ phiên,...*  *+ Những nét đặc sắc của nét văn hóa đó.*  *+ Tình cảm, mong muốn của em đối với nét văn hóa đặc trưng của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  +....  - Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm vào bài học sau. | - Nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

## \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

## Tiết 2: KHOA HỌC

## BÀI 12: VẬT DẪN NHIỆT TỐT VÀ VẬT DẪN NHIỆT KÉM (Tiết 1)

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

- **Năng lực nhận thức khoa học:** Xác định được một số vật dẫn nhiệt tốt và một số vật dẫn nhiệt kém.

- **Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:** Đề xuất được cách làm thí nghiệm để tìm hiểu tính dẫn nhiệt của vật (dẫn nhiệt tốt hay dẫn nhiệt kém).

**- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Vận dụng kiến thức về vật dẫn nhiệt tốt hoặc kém để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên; giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống.

**2. Phẩm chất**:

- Trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc, cẩn thận khi làm thí nghiệm, biết giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** Giáo án, Các tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

**- Học sinh:** Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Cho cả lớp hát bài hát.  - Chiếu hình ảnh 1 và đặt câu hỏi: Quai ấm trong hình 1 được bọc nhựa có tác dụng gì? Vì sao?  - Tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Dẫn dắt vào bài học mới | - Hát.  - Quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu. |
| 2. **Khám phá**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu một số vật dẫn nhiệt tốt và vật dẫn nhiệt kém.**  **\* Hoạt động thí nghiệm:**  - Chia lớp thành các nhóm 4 HS, làm thí nghiệm.  - Yêu cầu nhóm trưởng kiểm tra sự chuẩn bị của các thành viên trong nhóm.  - 1 HS đọc cách tiến hành thí nghiệm.  - Gọi 1-2 HS dự đoán kết quả trước khi thực hiện thí nghiệm.  - Lưu ý HS: Khi làm thí nghiệm, cần cẩn thận để tránh bị bỏng.  - Sau 10 phút, GV gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả.  - Nhận xét chéo, bổ sung ý kiến.  - Nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt nhận xét đúng:  *+ Các kim loại (đồng, nhôm, …) dẫn nhiệt tốt.*  *+ Gỗ, nhựa, … dẫn nhiệt kém.*  - GV đặt thêm 1 số câu hỏi cho HS:   1. Tại sao vào những hôm trời rét, chạm tay vào ghế sắt tay ta có cảm giác lạnh? 2. Tại sao khi chạm tay và ghế gỗ (nhựa), tay ta không có cảm giác lạnh bằng khi chạm vào ghế sắt?   - Nhận xét, tuyên dương. | - Hoạt động nhóm 4  - Nhóm trưởng kiểm tra sự chuẩn bị, báo cáo.  - 1 HS đọc.  - Dự đoán kết quả.  - Nhóm trưởng nhận phiếu học tập.  - Các nhóm thực hành thí nghiệm, ghi vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm lên báo cáo.  + Thanh dẫn nhiệt tốt hơn là thanh đồng, thanh sắt.  + Thanh dẫn nhiệt kém hơn là thanh gỗ, thanh nhựa.  + Một số vật dẫn nhiệt tốt là: nồi gang, sắt…  + Một số vật dẫn nhiệt kém là: vải, bông…  - Nhận xét.  - Lắng nghe.  - HS trả lời:   1. Những ngày trời rét, khi chạm vào ghế sắt, tay ta đã truyền nhiệt cho ghế (vật lạnh hơn) do đó ta có cảm giác lạnh. 2. Khi ta chạm tay vào ghế gỗ (nhựa), tay ta truyền nhiệt cho ghế gỗ (nhựa) nhưng do gỗ, nhựa dẫn nhiệt kém nên tay ta không bị mất nhiệt nhanh như khi chạm vào ghế sắt. Vì vậy tay không có cảm giác lạnh như khi chạm vào ghế sắt. |
| **3. Luyện tập**  **\*** *Thảo luận, chia sẻ:*  - Yêu cầu 1 HS đọc câu hỏi đầu trang 49.  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, chia sẻ với bạn trong thời gian 3 phút.  - Gọi đại diện nhóm chia sẻ.  - Nhận xét chung.  *\* Hoạt động thực hành thí nghiệm:*  - Yêu cầu tổ trưởng báo cáo sự chuẩn bị của HS đã dặn chuẩn bị từ tiết trước. Mỗi bạn cùng bàn sẽ phân công mang 1 cái ly nhựa hoặc ly i nốc và 1 bình giữ nhiệt chứa nước ấm ( nước đá).  - Lưu ý: Khi các em thực hiện cần đổ nước vào hai cốc có lượng bằng nhau, thời điểm xác định sự thay đổi nhiệt độ của hai cốc cùng lúc.  - Gọi 2-3 nhóm lên chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét.  **4. Vận dụng** | - 2 HS đọc yêu cầu.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Các nhóm lên chia sẻ, nhận xét  - Tổ trưởng kiểm tra báo cáo.  - Thực hiện.  - Lắng nghe. |
| **\* Trò chơi:**  - Tổ chức trò chơi: “Ai nhanh - ai đúng”.  - Mời quản trò lên điều khiển lớp.  *Nhiệm vụ mỗi thành viên được nhận thẻ từ là chạy thật nhanh gắn các thẻ từ vào 2 nhóm:*   1. *Dẫn nhiệt tốt* 2. *Dẫn nhiệt kém*   *Thành viên gắn thẻ từ xong phải chở về đội mình đập tay vào người kế tiếp mới được chạy lên gắn thẻ. Sau thời gian 3 phút, đội nào hoàn thành sớm, gắn đúng vị trí và đẹp là đội giành chiến thắng.*  - Quản trò mời các đội nhận xét kết quả tham gia.  - Nhận xét, khen thưởng.  - Nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Đọc và chuẩn bị trước bài: Vật dẫn nhiệt tốt và vật dẫn nhiệt kém tiết 2 | - Lắng nghe.  - Quản trò lên điều khiển lớp: *Lựa chọn 2 đội chơi. Mỗi đội gồm 6 thành viên. Mỗi thành viên sẽ được nhận 1 thẻ từ ghi các chất:*   1. *Sắt* 2. *Nhôm* 3. *Bông* 4. *Không khí* 5. *Đáy bàn là* 6. *Tay cầm của bàn là*   - Tham gia trò chơi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.   - Chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ sáu, ngày 06 tháng 12 năm 2024**

Tiết 1: TIẾNG VIỆT

**GÓC SÁNG TẠO: TÌNH LÀNG NGHĨA XÓM (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực ngôn ngữ**

**-** HS biết viết đoạn văn về một người họ hàng hoặc một việc tốt mà HS đã làm để giúp đỡ hàng xóm.

- Bài viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Có thể dán hình, vẽ, tô màu, trang trí cho bài viết.

**2. Năng lực văn học**

Viết được đoạn văn có một số từ ngữ giàu hình ảnh, giàu sức gợi tả, bước đầu biết thể hiện cảm xúc trong đoạn văn.

**3. Phẩm chất.**

Phẩm chất nhân ái: Yêu quý, tôn trọng, sẵn sàng giúp đỡ hàng xóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Cho học sinh chơi trò chơi: Ô cửa bí mật: mỗi ô cửa là 1 câu hỏi:  + Em hãy nêu 1 bài thơ nói về tình làng nghĩa xóm ?  + Trong bài đọc: Mảnh sân chung em đã học, 2 bạn nhỏ đã thể hiện tình làng nghĩa xóm như thế nào ?  + Kể về một người hàng xóm mà em yêu quý nhất  - Dẫn dắt vào bài mới  **2. Thực hành**  **HĐ 1: Viết đoạn văn, trang trí bài viết ( bài tập 1)**   * Mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 1. * Dựa vào nội dung gợi ý trong SGK, 2 bạn cạnh nhau sẽ trao đổi về đề viết mình lựa chọn. * Theo dõi, giúp đỡ HS.   HD HS Hoàn thiện bài làm.  **HĐ 2: Giới thiệu và bình chọn bài viết hay ( bài tập 2)**  **-** Tổ chức cho HS báo cáo kết quả  - GV có thể trình chiếu bài làm của học sinh lên.  - Khen ngợi, biểu dương HS.  **3. Vận dụng**  **-** Nhắc học sinh về nhà thực hành bài đã học vào cuộc sống. | - Tham gia chơi.   * Mỗi HS trả lời 1 câu hỏi GV đua ư ra.   Lắng nghe.   * 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm. * Thảo luận nhóm đôi * trình bày bằng miệng đề mình sẽ viết. * làm việc cá nhân. * Viết đoạn văn vào phiếu học tập hoặc vở ô ly. * Trang trí bài viết.   Một số HS báo cáo kết quả.  - Bình chọn những bài viết hay, trình bày đẹp.  - Gắn sản phẩm lên góc sáng tạo của lớp/tổ  Thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 2: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT LỚP: THỰC HÀNH ỨNG XỬ VĂN HÓA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

- HS thiết kế được tranh tuyên truyền về cách ứng xử văn hóa nơi công cộng.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý và lắng nghe bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ để hoàn thành bức tranh.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  - Ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 13 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 14.  - Nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2. Thực hành ứng xử văn hóa**  + Làm việc nhóm:  - Chia lớp thành các nhóm.  - Tổ chức cho HS quan sát tranh trong SGK trang 41 và mô tả nội dung tình huống. Các tình huống được đưa ra là:  + Tình huống 1: Trong thư viện của nhà trường có hai bạn cười nói ồn ào, gây mất trật tự.  + Tình huống 2: Khi hai bạn nhỏ đang đứng đợi để lên xe buýt, có một anh thanh niên chen lấn và xô đẩy hai bạn.  + Tình huống 3: Vào buổi trưa hè, một nhóm các bạn nam chơi đá bóng giữa đường làng gây mất trật tự.  - Các nhóm thảo luận theo những nội dung gợi ý sau:  + Kể về hành động và việc làm của các bạn trong mỗi tình huống.  + Phân tích về hành vi và cách ứng xử của các bạn trong tình huống là nên hay không nên.  - Mời một số nhóm đóng vai thực hành ứng xử văn hóa nơi công cộng trong các tình huống.  **Hoạt động 3: Tuyên truyền phong trào ứng xử nơi công cộng**  ***1. Tổ chức thực hiện: Làm việc nhóm***  - Phổ biến yêu cầu hoạt động: Các nhóm thiết kế bức tranh tuyên truyền phong trào Ứng xử nơi công cộng:  + Chuẩn bị các dụng cụ: giấy, bìa cứng, bút chì, bút màu,…  + Trao đổi, thảo luận ý tưởng thiết kế tranh tuyên truyền.  + Tiến hành thiết kế tranh tuyên truyền theo ý tưởng của cả nhóm đã thống nhất.  ***2. Tổ chức trình bày: làm việc cùng cả lớp.***  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả:  + Giới thiệu và chia sẻ thông điệp muốn truyền tải qua bức tranh.  + GV mời các nhóm khác nhận xét, bày tỏ cảm nhận về thông điệp mình thích nhất  - GV hướng dẫn các nhóm treo tranh ở vị trí phù hợp nhất.  **4. Vận dụng.**  - Nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Chia sẻ những thành quả đã cùng bạn thực hiện được.  + Chia sẻ những sáng kiến của bản thân trước lớp về cách ứng xử nơi công cộng. | - Chú ý lắng nghe  - Lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - Làm việc theo nhóm, thảo luận theo tình huống.  - Các nhóm ghi các ý đã thảo luận để chuẩn bị trình bày trước lớp.  + Đưa ra ý kiến của bản thân để điều chỉnh hành vi của các bạn trong mỗi tình huống.  - Các nhóm thống nhất cách xử lí và chuẩn bị đóng vai để thực hành ứng xử văn hóa nơi công cộng trong các tình huống.  + Làm việc cả lớp:  - Các nhóm khác nhận xét về cách xử lí của nhóm bạn, đưa ra cách xử lí của nhóm mình nếu khác nhóm bạn.  - Chia sẻ bài học rút ra được sau khi đóng vai xử lí tình huống.  - Đóng vai thực hành.  - Nhận xét về vai diễn và cách xử lí tình huống.  - Lắng nghe GV phổ biến yêu cầu hoạt động.  - Các nhóm chuẩn bị dụng cụ để tiến hành vẽ tranh.  - Trao đổi, thảo luận ý tưởng thiết kế tranh tuyên truyền  - Trao đổi và tiến hành vẽ tranh tuyên truyền.  - Các nhóm trình bày kết quả.  - Giới thiệu thông điệp của nhóm mình  - Các nhóm khác nhận xét, bày tỏ cảm nhận về thông điệp mình thích nhất.  - Các nhóm treo tranh ở vị trí phù hợp nhất  - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

## 

## 